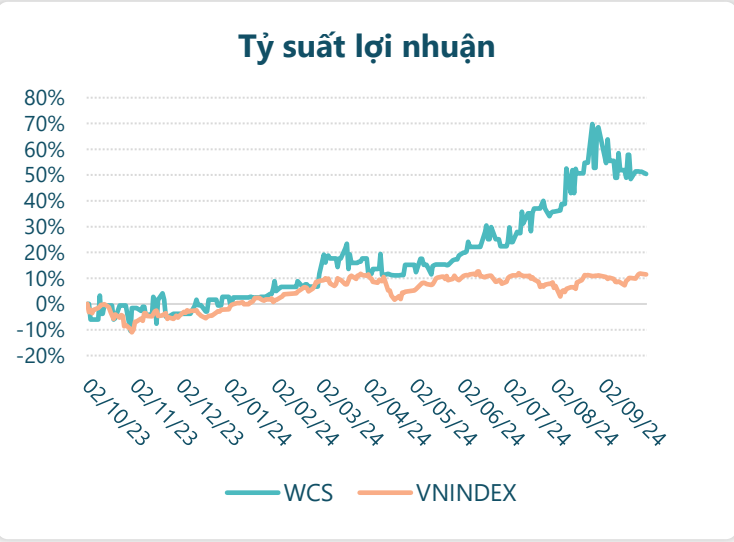


Ngày	252,600 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-10.7%	16.0%	34.7%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	150,243 - 285,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	632
Số lượng CPLH (CP)	2,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	215
Sở hữu nước ngoài	28.5%
Beta	0.14
EPS	29,973
P/E	8.4



Doanh thu thuần
Q3/24

40.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.30 | 3.3%

YoY: ▲ 4.00 | 10.9%

Nợ/VCSH
Q3/24

17.5%

YoY: +/-▲ 1.7%

LN gộp
Q3/24

25.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.60 | 2.5%

YoY: ▲ 2.40 | 10.4%

ROE (TTM)
Q3/24

30.6%

YoY: +/-▼ 1.9%

LN trước thuế
Q3/24

25.4

tỷ VNĐ

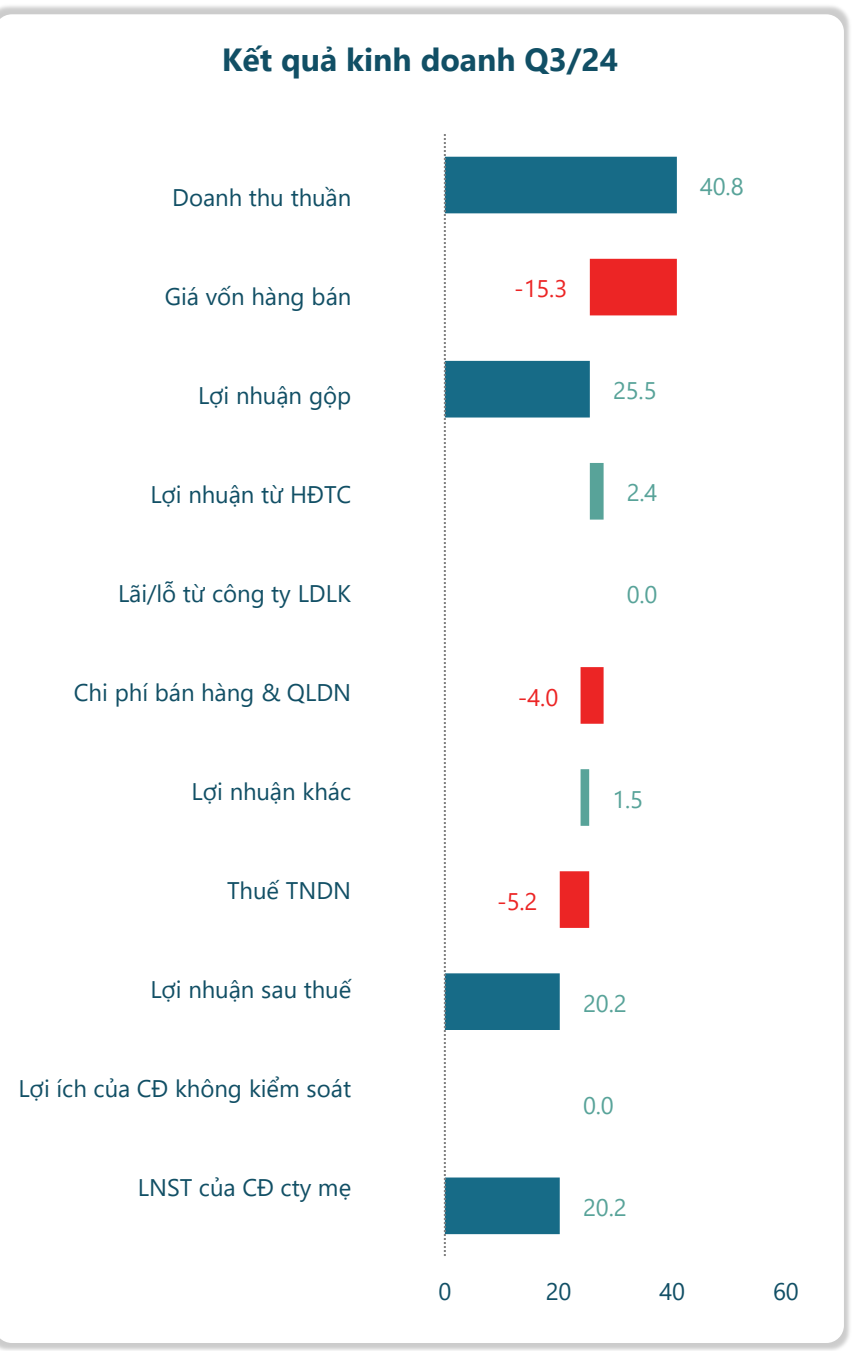
QoQ: ▲ 0.30 | 1.2%

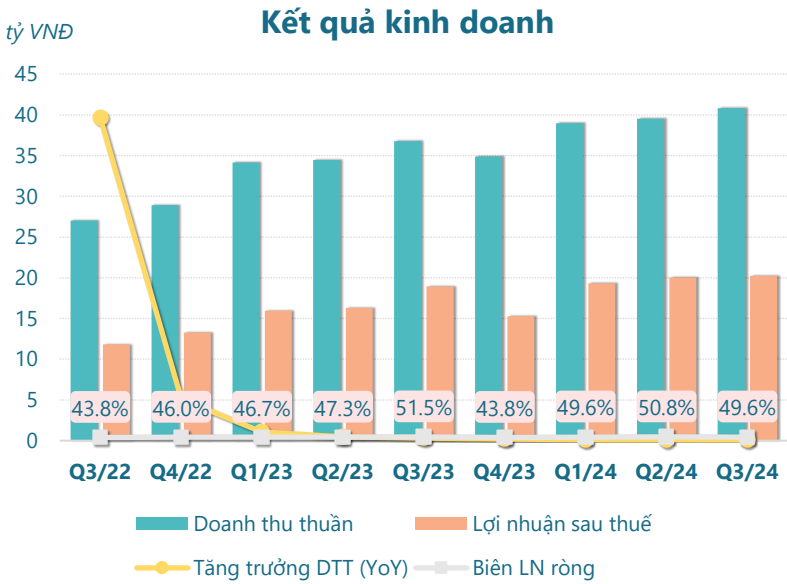
YoY: ▲ 1.70 | 7.2%

ROA (TTM)
Q3/24

25.8%

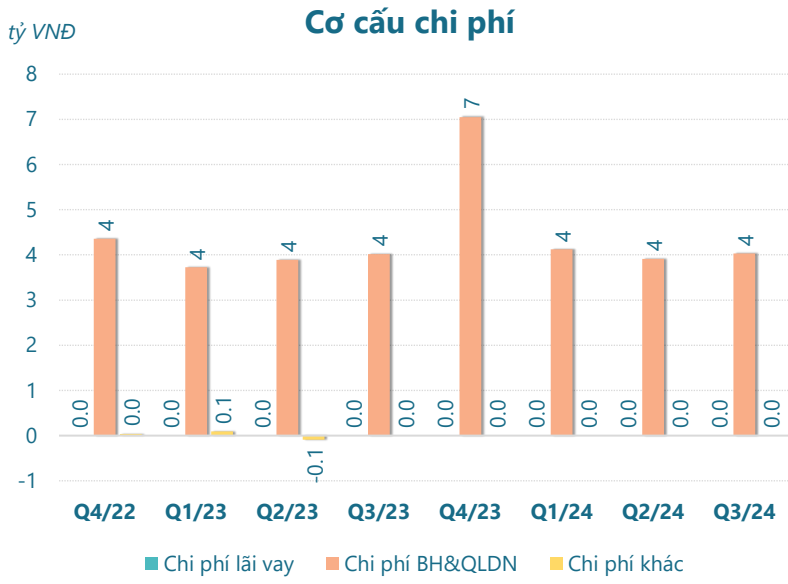
YoY: +/-▼ 2.0%





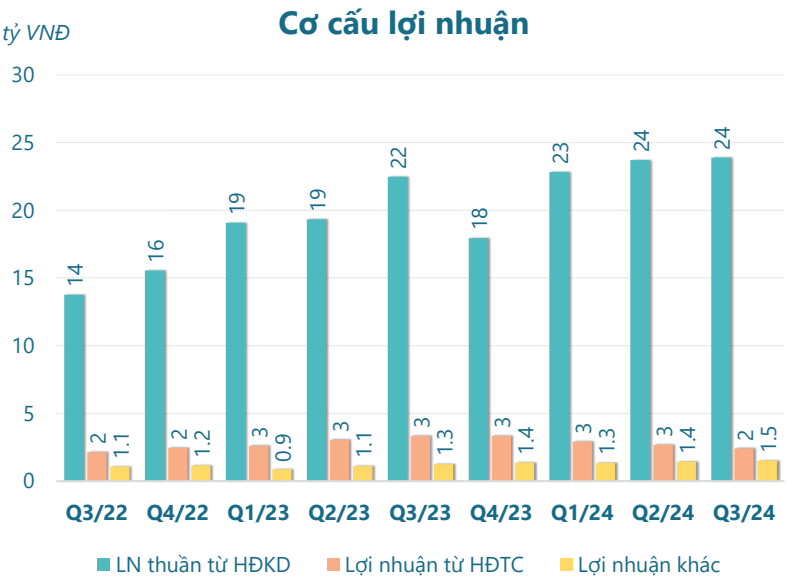
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 23.90 tỷ đồng**, tăng thêm 0.84% so với kỳ trước và cao hơn 6.36% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 2.42 tỷ đồng**, giảm đi 9.70% so với kỳ trước và thấp hơn 27.3% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 1.51 tỷ đồng**, tăng thêm 4.86% so với kỳ trước và cao hơn 18.9% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **WCS** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **40.82 tỷ đồng** tăng thêm **11.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 20.25 tỷ đồng, tăng trưởng 6.97%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **119.0 tỷ đồng** cao hơn 13.3% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 60.00 tỷ đồng** cao hơn 17.6% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **4.03 tỷ đồng** tăng thêm 3.07% so với kỳ trước và cao hơn 0.50% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	40.8	39.5	3.3%	36.8	10.9%	119	105	13.2%
Giá vốn hàng bán	15.3	14.6	4.9%	13.6	12.6%	44.9	41.9	7.1%
Lợi nhuận gộp	25.5	24.9	2.5%	23.1	10.4%	74.5	63.5	17.3%
Doanh thu HĐTC	2.42	2.68	-9.8%	3.33	-27.4%	8.02	8.99	-10.8%
Chi phí TC	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	4.03	3.91	3.1%	4.01	0.5%	12.1	11.6	3.8%
LN thuần từ HĐKD	23.9	23.7	0.8%	22.5	6.2%	70.4	60.9	15.7%
Lợi nhuận khác	1.51	1.44	4.8%	1.27	18.8%	4.30	3.26	31.9%
LN trước thuế	25.4	25.1	1.2%	23.7	7.2%	74.7	64.1	16.5%
Lợi nhuận sau thuế	20.2	20.1	0.7%	18.9	7.1%	59.6	51.2	16.5%
LNST của CĐ cty mẹ	20.2	20.1	0.7%	18.9	7.1%	59.6	51.2	16.5%

